

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng quản trị

Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 31/7/2021)
Ông Trần Quang Tiến	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 31/7/2021)
Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Quân	Ủy viên
Ông Phạm Tiến Tịnh	Ủy viên

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Thế Hưng, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THẾ HƯNG

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2021, từ trang 6 đến trang 39 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THƠM - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B01a-DN/HN**Đơn vị tính: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		133.464.410.670	134.278.484.978
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	66.133.132.142	65.982.834.781
1. Tiền	111		14.124.044.494	11.323.409.039
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.009.087.648	54.659.425.742
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.308.506.611	12.571.237.182
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2b	14.916.670.222	6.842.346.771
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	6.391.836.389	5.728.890.411
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.957.948.502	52.582.300.895
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	14.985.379.811	17.950.808.126
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.000.000	1.066.340.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	17.441.715.920	17.441.715.920
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	9.510.852.771	16.123.436.849
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	825.147.274	791.944.505
Hàng tồn kho	141		825.147.274	791.944.505
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.239.676.141	2.350.167.615
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.810.438.560	1.219.773.923
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.098.635.186	732.973.319
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	330.602.395	397.420.373
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		129.944.899.921	132.715.524.656
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		55.000.000	55.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	55.000.000	55.000.000
II. Tài sản cố định	220		125.856.067.226	110.484.241.619
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	104.367.283.691	88.707.297.698
Nguyên giá	222		201.361.895.516	181.944.253.225
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(96.994.611.825)	(93.236.955.527)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	21.488.783.535	21.776.943.921
Nguyên giá	228		24.058.532.693	24.058.532.693
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.569.749.158)	(2.281.588.772)
III. Bất động sản đầu tư	230		100.000.000	-
Nguyên giá	231		100.000.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		194.363.636	18.888.089.677
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	194.363.636	18.888.089.677
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.739.469.059	3.288.193.360
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.549.245.925	3.042.056.112
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		190.223.134	246.137.248
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		263.409.310.591	266.994.009.634

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.477.316.047	30.467.954.501
I. Nợ ngắn hạn	310		21.184.188.047	30.154.826.501
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	11.535.073.797	10.378.104.558
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	4.229.379.492	2.761.563.476
3. Phải trả người lao động	314		1.659.164.722	2.052.452.990
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	243.388.812	131.812.390
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	1.318.479.415	14.465.601.569
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	2.198.701.809	365.291.518
II. Nợ dài hạn	330		293.128.000	313.128.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	293.128.000	313.128.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		241.931.994.544	236.526.055.133
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	241.931.994.544	236.526.055.133
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.998.470.000</i>	<i>131.998.470.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Cổ phiếu quỹ	415		(4.394.588.700)	(4.394.588.700)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.746.673.815	6.745.703.936
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		100.295.079.683	94.888.307.860
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối k</i>	<i>421a</i>		<i>92.219.767.810</i>	<i>78.231.735.521</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>8.075.311.873</i>	<i>16.656.572.339</i>
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.392.375.475	1.394.177.766
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		263.409.310.591	266.994.009.634

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021

**NGUYỄN THẾ HƯNG**
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**Mẫu B02a-DN/HN**
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	45.120.851.651	49.798.762.027
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		45.120.851.651	49.798.762.027
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	38.100.609.110	44.529.405.914
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.020.242.541	5.269.356.113
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.704.454.232	3.535.332.544
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	595.943.558	886.628.027
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	11.137.623
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.484.547.110	3.721.005.118
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.644.206.105	4.197.055.512
12. Thu nhập khác	31		372.744.467	424.937.425
13. Chi phí khác	32		43.923.014	10.454.403
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.6	328.821.453	414.483.022
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.973.027.558	4.611.538.534
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.840.591.104	643.803.160
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		52.815.280	1.939.657
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.079.621.174	3.965.795.717
<u>Trong đó:</u>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		8.075.311.873	3.951.900.696
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.309.301	13.895.021
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	568	277
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8b	568	277


Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021



NGUYỄN THỊ HƯNG
Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU B 03a-DN/HN**Đơn vị tính: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.973.027.558	4.611.538.534
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.287.613.168	4.322.826.563
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6.991.888.683)	(3.998.599.330)
- Chi phí lãi vay	06		-	11.137.623
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.268.752.043	4.946.903.390
- Giảm các khoản phải thu	09		11.113.138.479	2.775.931.257
- Tăng/(Giảm) hàng tồn kho	10		(33.202.769)	(878.637.516)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		440.824.517	(2.502.852.868)
- Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12		932.853.150	221.240.469
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(8.074.323.451)	23.526.248
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(11.137.623)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.225.529.215)	(1.161.181.891)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(665.075.560)	(921.169.801)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.757.437.194	2.492.621.665
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.016.732.667)	(2.395.424.546)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.509.288.864	1.459.082.726
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(34.162.945.978)	(30.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		33.500.000.000	21.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.436.636.813	3.968.065.567
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.266.247.032	(6.468.276.253)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.873.386.865)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.873.386.865)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		150.297.361	(3.975.654.588)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		65.982.834.781	61.468.883.407
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	66.133.132.142	57.493.228.819

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021



NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B09a-DN/HN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải).
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Duy Ước – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang số 57 -59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp).
- Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp từ số 4103000801 sang số 0302525162 và chuẩn y thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 57 -59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Ông

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc sang Ông Nguyễn Thế Hưng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 đăng ký thay đổi lần thứ 14 chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 3 số 172/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 15 tháng 1 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Hải Minh thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 10.000.000 cổ phiếu lên 13.199.847 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 131.998.470.000 VND.

Số cổ phiếu : 13.199.847 cổ phiếu.

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu.

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 028 35128 668

Fax : 028 35128 688

Mã số thuế : **0 3 0 2 5 2 5 1 6 2**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

6. Cấu trúc Công ty

Tại kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty con	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần vốn sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa	96,79%	96,79%
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%
Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	100,00%

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 126 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 135 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 thuộc kỳ kế toán năm thứ 20 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc thiết bị	15
Phương tiện vận tải	5 – 15
Thiết bị văn phòng	3 – 10
Tài sản cố định khác	5 – 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư đồng sở hữu, chi phí xây dựng cơ bản các công trình chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí sửa chữa, chi phí kiểm định, phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí văn phòng, chi phí sửa chữa và chi phí khác đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm;

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.227.033.410	825.301.737
Tiền gửi ngân hàng	11.897.011.084	8.710.107.302
Tiền đang chuyển	-	1.788.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	52.009.087.648	54.659.425.742
Cộng	66.133.132.142	65.982.834.781

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản: Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng có số tiền là 34.009.087.648 VND tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,8% đến 7% /năm (năm 2020: từ 4,9% đến 6,9%/năm) và 18.000.000.000 VND tiền mua trái phiếu VJCL2023001, SVACH2124001, VJCH2126001 với số lượng: 130.050 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng đến 100.000.000 đồng/ trái phiếu; Lãi suất từ 5,9%/năm đến 7,4%/năm, trái phiếu được chuyển giao quyền sở hữu ban đầu sau 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày giao dịch.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến (a) ngày đáo hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	6.391.836.389	6.391.836.389		5.728.890.411
Cộng	6.391.836.389	6.391.836.389		5.728.890.411

(*) Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,9% đến 5,3%/năm (năm 2020: 4,9% đến 6,9% /năm)

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
b) Chứng khoán kinh doanh						
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	4.341.452.425	4.341.452.425	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	2.546.814.500	2.546.814.500	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	2.147.216.000	2.147.216.000	-	-	-	-
Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.177.764.000	1.177.764.000	-	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	2.061.587.750	2.061.587.750	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Á châu	-	-	-	3.610.407.500	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-	-	2.498.742.500	2.498.742.500	-
Các mã chứng khoán khác	2.641.835.547	2.641.835.547	-	733.196.771	733.098.000	-
Cộng	14.916.670.222	14.916.670.222	-	6.842.346.771	3.231.840.500	-

Giá trị hợp lý của các chứng khoán đã được niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường tại ngày lập Báo cáo tài chính

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tâm Cảng Hải Phòng	128.225.806	-
Ocean Network Express Pte.Ltd.,	214.365.827	119.800.585
Công ty CP Ô tô TOYOTA Việt Nam	3.269.448.224	5.644.339.112
Công ty TNHH Toàn Cầu Khải Minh	1.411.216.461	1.701.373.756
Công ty CP Tiếp Vận Phước Tạo	1.385.200.000	766.100.000
Công ty TNHH XNK DV kho bãi và vận tải Thịnh Phát	1.152.992.700	541.309.567
Silkargo Logistics (Singapore) Pte Ltd	506.867.483	90.883.874
Khách hàng khác	6.917.063.310	9.087.001.232
Cộng	14.985.379.811	17.950.808.126

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Công ty CP Dịch vụ Nhịp Cầu Địa Ốc	17.441.715.920	17.441.715.920
Cộng	17.441.715.920	17.441.715.920

Cho Công ty CP Dịch vụ Nhịp Cầu Địa ốc vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2018 và gia hạn thêm đến ngày 21 tháng 11 năm 2021 kèm theo quyền mua căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Ngắn hạn	9.510.852.771	-	16.123.436.849	-
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Trường Phát HD	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Triều Dương	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành	-	-	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ô tô Tây Sài Gòn	-	-	3.500.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại AMG	3.300.000.000	-	-	-
Công ty Bảo Minh Hải Phòng	303.007.807	-	49.005.625	-
Bảo hiểm xã hội (Nợ 3388)	4.830.952	-	10.904.748	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Tạm ứng nhân viên	234.909.639	-	237.558.205	-
Lãi tiền gửi dự thu	-	-	60.493.151	-
Lãi cho vay phải thu Công ty CP Dịch vụ Nhịp Cầu Địa Ốc	907.434.135	-	1.658.861.486	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	81.000.000	-	5.081.000.000	-
Các khách hàng khác	1.679.670.238	-	525.613.634	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b) Dài hạn	55.000.000	-	55.000.000	
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	5.000.000	-	5.000.000	
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	50.000.000	-	50.000.000	
Cộng	9.565.852.771	-	16.178.436.849	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	254.821.937	-	400.318.650	-
Công cụ, dụng cụ	53.820.000		144.094.000	
Hàng hóa	516.505.337	-	247.531.855	-
Cộng	825.147.274	-	791.944.505	-

7. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	1.810.438.560	1.219.773.923
Công cụ, dụng cụ	216.685.721	265.293.858
Chi phí kiểm định	97.464.024	222.751.362
Chi phí sửa chữa	23.441.662	44.593.946
Phí bảo hiểm	153.886.311	131.897.460
Tiền thuê đất	344.046.931	266.437.997
Chi phí khác	974.913.911	288.799.300
b) Dài hạn	3.549.245.925	3.042.056.112
Chi phí công cụ, dụng cụ, phí văn phòng	1.796.573.819	1.490.193.901
Chi phí sửa chữa	630.764.714	334.835.011
Chi phí khác	1.121.907.392	1.217.027.200
Cộng	5.359.684.485	4.261.830.035

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	97.356.909.862	1.616.826.595	76.750.565.596	5.424.850.945	795.100.227	181.944.253.225
Tăng trong kỳ	12.308.952.790	-	2.648.000.000	202.320.000	4.531.875.137	19.691.147.927
Giảm trong kỳ	-	-	273.505.636	-	-	273.505.636
Thanh lý	-	-	273.505.636	-	-	273.505.636
Số cuối kỳ	109.665.862.652	1.616.826.595	79.125.059.960	5.627.170.945	5.326.975.364	201.361.895.516
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	35.393.696.603	577.679.808	53.332.861.619	3.432.704.719	500.012.778	93.236.955.527
Tăng trong kỳ	1.460.269.783	68.628.624	2.140.446.041	251.376.576	78.731.758	3.999.452.782
Giảm trong kỳ	-	-	241.796.484	-	-	241.796.484
Thanh lý	-	-	241.796.484	-	-	241.796.484
Số cuối kỳ	36.853.966.386	646.308.432	55.231.511.176	3.684.081.295	578.744.536	96.994.611.825
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	61.963.213.259	1.039.146.787	23.417.703.977	1.992.146.226	295.087.449	88.707.297.698
Số cuối kỳ	72.811.896.266	970.518.163	23.893.548.784	1.943.089.650	4.748.230.828	104.367.283.691
Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:						
Số đầu năm	15.734.216.003	-	18.256.667.657	493.860.149	-	34.484.743.809
Số cuối kỳ	15.734.216.003	-	25.775.582.666	493.860.149	-	42.003.658.818

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	24.058.532.693	24.058.532.693
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	24.058.532.693	24.058.532.693
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	2.281.588.772	2.281.588.772
Tăng trong kỳ	288.160.386	288.160.386
Khấu hao trong kỳ	288.160.386	288.160.386
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	2.569.749.158	2.569.749.158
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	21.776.943.921	21.776.943.921
Số cuối kỳ	21.488.783.535	21.488.783.535

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau Cảng	-	13.124.581.095
Mua sắm tài sản cố định	-	5.569.144.946
Công trình bệ trụ cầu cố định Phú Quốc	194.363.636	194.363.636
Cộng	194.363.636	18.888.089.677

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Samudera Shipping Line Ltd.	3.217.558.891	3.217.558.891	-	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công TT Tân Cảng Sài Gòn (SNP)	2.039.374.697	2.039.374.697	265.863.167	265.863.167
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư phát triển và Xây dựng Đại Long	901.447.000	901.447.000	279.568.000	279.568.000
Công ty TNHH Khai thác Container VN	500.900.000	500.900.000	254.023.000	254.023.000
Công ty CP XDCT Kiến Lương	-	-	1.458.761.424	1.458.761.424
Công ty TNHH xuất nhập khẩu Phú Lâm	426.193.780	426.193.780	254.124.900	254.124.900
Các khách hàng khác	4.449.599.429	4.449.599.429	7.865.764.067	7.865.764.067
Cộng	11.535.073.797	11.535.073.797	10.378.104.558	10.378.104.558

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	379.948.627	1.391.634.346	971.957.157	799.625.816
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu</i>	<i>(82.662.614)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(82.662.614)</i>
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp</i>	<i>462.611.241</i>	<i>1.391.634.346</i>	<i>971.957.157</i>	<i>882.288.430</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.921.047.097	1.909.255.588	2.225.529.215	1.604.773.470
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu</i>	<i>(179.157.553)</i>	<i>109.411.110</i>	<i>45.444.793</i>	<i>(115.191.236)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp</i>	<i>2.100.204.650</i>	<i>1.799.844.478</i>	<i>2.180.084.422</i>	<i>1.719.964.706</i>
Thuế thu nhập cá nhân	(111.518.520)	822.367.482	838.119.057	(127.270.095)
<i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu</i>	<i>(128.266.313)</i>	<i>17.524.978</i>	<i>22.007.210</i>	<i>(132.748.545)</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp</i>	<i>16.747.793</i>	<i>804.842.504</i>	<i>816.111.847</i>	<i>5.478.450</i>
Tiền thuê đất	(2.470.601)	1.555.755.000	24.906.292	1.528.378.107
<i>Tiền thuê đất phải thu</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Tiền thuê đất phải nộp</i>	<i>(2.470.601)</i>	<i>1.555.755.000</i>	<i>24.906.292</i>	<i>1.528.378.107</i>
Các loại thuế, khoản phải nộp khác	177.136.500	625.470.906	709.337.607	93.269.799
<i>Thuế môn bài</i>	<i>-</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Thuế nhà thầu</i>	<i>177.136.500</i>	<i>579.613.298</i>	<i>663.479.999</i>	<i>93.269.799</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>-</i>	<i>32.857.608</i>	<i>32.857.608</i>	<i>-</i>
Cộng	2.364.143.103	6.304.483.322	4.769.849.328	3.898.777.097
<u>Trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất:</u>				
<i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>	<i>397.420.373</i>			<i>330.602.395</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	<i>2.761.563.476</i>			<i>4.229.379.492</i>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phí dịch vụ thuê ngoài	26.964.236	43.808.181
Chi phí khác	216.424.576	88.004.209
Cộng	243.388.812	131.812.390

14. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	1.318.479.415	14.465.601.569
Kinh phí công đoàn	163.063.060	118.997.560
BHXH	402.761	4.852.440
BHYT	-	4.320.590
BHTN	47.125	47.125
Cổ tức phải trả	-	12.873.386.865
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	111.504.148	113.504.148
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.043.462.321	1.350.492.841
b) Phải trả dài hạn khác	293.128.000	313.128.000
Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn	293.128.000	313.128.000
Cộng	1.611.607.415	14.778.729.569

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi trong năm/kỳ	Số cuối kỳ
Năm trước				
Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng	129.677.032	1.179.145.000	(1.013.767.366)	295.054.666
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	113.349.783	589.572.000	(632.684.931)	70.236.852
Cộng	243.026.815	1.768.717.000	(1.646.452.297)	365.291.518
Kỳ này				
Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng	295.054.666	1.665.657.234	(564.656.800)	1.396.055.100
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	70.236.852	832.828.617	(100.418.760)	802.646.709
Cộng	365.291.518	2.498.485.851	(665.075.560)	2.198.701.809

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.745.703.936	92.873.276.332	1.364.070.033	234.480.915.872
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	16.656.572.339	40.592.402	16.697.164.741
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(12.847.647.000)	(93.830.000)	(12.941.477.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(2.034.675.854)	-	(2.034.675.854)
Giảm phân phối	-	-	-	-	265.958.854	-	265.958.854
Giảm khác	-	-	-	-	(25.176.811)	(10.484.669)	(35.661.480)
Tăng vốn	-	-	-	-	-	93.830.000	93.830.000
Số cuối năm trước	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.745.703.936	94.888.307.860	1.394.177.766	236.526.055.133
Số đầu năm	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.745.703.936	94.888.307.860	1.394.177.766	236.526.055.133
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	8.073.104.894	6.516.280	8.079.621.174
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(2.498.485.851)	-	(2.498.485.851)
Tăng khác	-	-	-	969.879	4.249.856	-	5.219.735
Giảm khác	-	-	-	-	(172.097.076)	(8.318.571)	(180.415.647)
Số cuối kỳ	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.746.673.815	100.295.079.683	1.392.375.475	241.931.994.544

Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/07/2021.

Cũng theo Nghị quyết đại hội cổ đông này đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ từ 8 đến 10%.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
Cổ phiếu phổ thông	13.199.847	13.199.847
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	352.200	352.200
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.847.647	12.847.647
Cổ phiếu phổ thông	12.847.647	12.847.647
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

a. Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	2.015,09	37.728,54

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Dịch vụ vận tải	16.729.132.648	20.665.037.195
Dịch vụ đại lý dầu (hàng hóa)	3.289.356.618	4.256.881.566
Dịch vụ đại lý container	5.417.404.011	4.990.205.028
Dịch vụ cho thuê văn phòng	1.869.073.256	1.993.068.506
Dịch vụ cho thuê bãi	17.815.885.118	17.893.569.732
Cộng	45.120.851.651	49.798.762.027

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Dịch vụ vận tải	15.848.841.115	20.308.862.369
Dịch vụ đại lý dầu (hàng hóa)	3.074.388.828	4.185.808.296
Dịch vụ đại lý container	2.928.314.056	3.019.337.843
Dịch vụ cho thuê văn phòng	1.039.787.289	1.131.499.636
Dịch vụ cho thuê bãi	15.209.277.822	15.883.897.770
Cộng	38.100.609.110	44.529.405.914

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi kinh doanh chứng khoán	4.123.176.220	91.614.305
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	1.759.391.185	2.390.581.592
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	79.737.921	44.919.939
Lãi đầu tư dài hạn khác	742.148.906	268.974.667
Lãi hoạt động khác	-	739.242.041
Cộng	6.704.454.232	3.535.332.544

4. Chi phí tài chính

Lỗ kinh doanh chứng khoán	536.933.994	822.153.329
<i>Trong đó lỗ margin chứng khoán</i>	-	11.137.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.009.564	64.474.698
Cộng	595.943.558	886.628.027

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	2.286.697.754	2.525.251.104
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	170.458.365	210.436.049
Chi phí dụng cụ quản lý	32.776.615	31.228.163
Chi phí khấu hao	148.464.174	148.464.174
Thuế phí và lệ phí	56.878.692	36.559.656
Chi phí dự phòng	75.640.894	77.631.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	522.859.685	521.596.154
Chi phí bằng tiền khác	190.770.931	169.838.689
Cộng	3.484.547.110	3.721.005.118

6. Lợi nhuận (lỗ) khác

Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	285.245.161	-
Thanh lý TSCĐ	81.927.211	17.999.215
Thanh lý máy móc, thiết bị	-	399.991.817
Thu nhập khác	5.572.095	6.946.393
Cộng	372.744.467	424.937.425

Phạt chậm nộp	-	10.454.374
Thuế bị truy thu	43.481.183	-
Chi phí khác	441.831	29
Cộng	43.923.014	10.454.403

Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác	328.821.453	414.483.022
---	--------------------	--------------------

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.973.027.558	4.611.538.534
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(323.913.211)	(18.023.937)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	43.498.530	10.454.374
Trừ các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(367.411.741)	(28.478.311)
Lợi nhuận kế toán sau điều chỉnh	9.649.114.347	4.593.514.597
Trong đó:		
Lỗ không tính thuế	227.818.822	(480.091.160)
Thu nhập tính thuế	9.876.933.169	5.073.605.757
Thuế suất 20%	20%	20%
Thu nhập chịu thuế suất áp dụng thông thường	1.975.386.634	1.014.721.152
Ưu đãi thuế	(134.795.530)	(370.917.992)
Nghị quyết 116/2020/QH14 giảm 30%	-	(275.915.639)
Ưu đãi khác	(134.795.530)	(95.002.353)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.840.591.104	643.803.160

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Riêng Công ty con là Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh được hưởng các ưu đãi đối với dự án thực hiện trong khu kinh tế cụ thể như sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo.
- Miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

8. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(807.531.187)	(395.190.070)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	7.267.780.686	3.556.710.626
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.786.847	12.847.647
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	568	277

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.267.780.686	3.556.710.626
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	7.267.780.686	3.556.710.626
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.786.847	12.847.647
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	12.786.847	12.847.647
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	568	277

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	5.535.973.143	8.787.031.244
Chi phí nhân viên	11.017.159.410	12.468.351.139
Chi phí khấu hao	4.287.613.166	4.487.557.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.468.318.639	22.214.670.661
Chi phí bằng tiền khác	276.091.862	292.800.050
Cộng	41.585.156.220	48.250.411.032

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thanh lý tài sản trong năm chưa thu	113.636.363	450.000.000
Lãi dự thu khoản cho vay	907.434.135	911.495.906
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	-	316.227.986

2. Các giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Lãi TG phải thu năm trước đã thu trong kỳ	1.719.354.637	142.191.441
Lãi đầu tư phải thu năm trước đã thu trong kỳ	-	1.654.799.718
Cổ tức năm trước đã chi trả năm nay	12.873.386.865	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Tại kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	1.072.460.000	2.144.920.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	4.826.070.000	4.826.070.000
Sau 5 năm	4.289.840.000	4.289.840.000
Cộng	<u>10.188.370.000</u>	<u>11.260.830.000</u>

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất, thuê bến bãi theo các hợp đồng sau:

Khoản thanh toán tiền thuê hoạt động tại Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thể hiện tổng số tiền thuê 20.330,03 m2 tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng thuê đất số 22/HĐTĐ ngày 27 tháng 7 năm 2009 và Thông báo 3212/TB-CT ngày 18 tháng 5 năm 2016 được ký với thời hạn 30 năm tính từ ngày 15 tháng 11 năm 2000, đơn giá thuê 448.559.000 VND/m2/năm và Thông báo số 2088/TB - CCT ngày 19 tháng 4 năm 2021, đơn giá thuê 1.072.460.000 VND/năm.

2. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	333.000.000	395.400.000
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	40.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Thành viên HĐQT	-	60.000.000
Ông Nguyễn Thế Quân	Thành viên HĐQT	-	60.000.000
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000
Bà Nguyễn Mỹ Hải	Nguyên trưởng BKS	-	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng BKS	-	24.000.000
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên BKS	-	24.000.000
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc	263.400.000	278.175.000
Ông Đặng Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	207.900.000	207.900.000
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc	220.800.000	220.800.000
Cộng		<u>1.065.100.000</u>	<u>1.540.275.000</u>

3. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ và doanh thu chủ yếu của Công ty là từ hoạt động này. Do đó Công ty không lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại hai địa điểm là Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hải Phòng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý.

	Kỳ này	Kỳ trước
Thành phố Hải Phòng	29.218.903.485	31.403.471.074
Thành phố Hồ Chí Minh	15.901.948.166	18.395.290.953
Cộng	45.120.851.651	49.798.762.027

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Kỳ này	Kỳ trước
Thành phố Hải Phòng	99.298.368.769	82.531.398.658	19.691.147.927	1.209.139.185
Thành phố Hồ Chí Minh	26.557.698.457	27.952.842.961	-	-
Cộng	125.856.067.226	110.484.241.619	19.691.147.927	1.209.139.185

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.133.132.142	66.133.132.142	65.982.834.781	65.982.834.781
Chứng khoán kinh doanh	14.916.670.222	14.916.670.222	6.842.346.771	6.842.346.771
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.391.836.389	6.391.836.389	5.728.890.411	5.728.890.411
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	14.985.379.811	14.985.379.811	17.950.808.126	17.950.808.126
Phải thu về cho vay ngắn hạn	17.441.715.920	17.441.715.920	17.441.715.920	17.441.715.920
Phải thu khác	9.326.112.180	9.326.112.180	15.929.973.896	15.929.973.896
Cộng	129.194.846.664	129.194.846.664	129.876.569.905	129.876.569.905

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	11.535.073.797	11.535.073.797	10.378.104.558	10.378.104.558
Chi phí phải trả ngắn hạn	243.388.812	243.388.812	131.812.390	131.812.390
Phải trả khác	1.448.094.469	1.448.094.469	14.650.511.854	14.650.511.854
Cộng	13.226.557.078	13.226.557.078	25.160.428.802	25.160.428.802

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.11.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này cũng như đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về yếu tố của các công cụ tài chính trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể do tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu mà Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,...

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là không đáng kể do khoản đầu tư mua cổ phiếu có giá trị nhỏ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng ...)

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.133.132.142	-	-	66.133.132.142
Chứng khoán kinh doanh	14.916.670.222	-	-	14.916.670.222
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.391.836.389	-	-	6.391.836.389
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	14.985.379.811	-	-	14.985.379.811
Phải thu về cho vay ngắn hạn	17.441.715.920	-	-	17.441.715.920
Phải thu khác	9.271.112.180	55.000.000	-	9.326.112.180
Cộng	129.139.846.664	55.000.000	-	129.194.846.664
Nợ phải trả tài chính				-
Phải trả người bán ngắn hạn	11.535.073.797	-	-	11.535.073.797
Chi phí phải trả ngắn hạn	243.388.812	-	-	243.388.812
Phải trả khác	1.154.966.469	293.128.000	-	1.448.094.469
Cộng	12.933.429.078	293.128.000	-	13.226.557.078
Chênh lệch thanh khoản thuần	116.206.417.586	(238.128.000)	-	115.968.289.586
Số đầu năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.982.834.781	-	-	65.982.834.781
Chứng khoán kinh doanh	6.842.346.771	-	-	6.842.346.771
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.728.890.411	-	-	5.728.890.411
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	17.950.808.126	-	-	17.950.808.126
Phải thu về cho vay ngắn hạn	17.441.715.920	-	-	17.441.715.920
Phải thu khác	15.874.973.896	55.000.000	-	15.929.973.896
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-
Cộng	129.821.569.905	55.000.000	-	129.876.569.905
Nợ phải trả tài chính				-
Phải trả người bán ngắn hạn	10.378.104.558	-	-	10.378.104.558
Chi phí phải trả ngắn hạn	131.812.390	-	-	131.812.390

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả khác	14.337.383.854	313.128.000	-	14.650.511.854
Cộng	24.847.300.802	313.128.000	-	25.160.428.802
				-
Chênh lệch thanh khoản thuần	104.974.269.103	(258.128.000)	-	104.716.141.103

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 31 tháng 7 năm 2021, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, thông qua Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01-2021/NQ-ĐHĐCĐ trong đó có việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020, Công ty đã thực hiện trích quỹ này. Ngoài ra Nghị quyết cũng thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ từ 8 đến 10%. Hiện tại do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, các thành viên Hội Đồng quản trị chưa thể họp mặt để quyết định tỷ lệ chia cổ tức chính thức.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài sự kiện này, Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2021 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2021




NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu